



4
ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 12 năm 2010

Hải
m

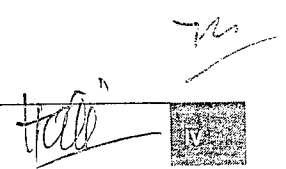
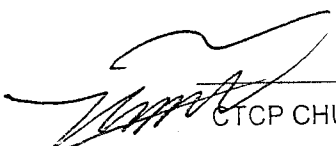
MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1 Định nghĩa	2
Điều 2 Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
Điều 3 Thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 4 Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	4
CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY	5
Điều 5 Các lĩnh vực kinh doanh	5
Điều 6 Mục tiêu hoạt động	5
Điều 7 Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán	5
Điều 8 Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	6
Điều 9 Quyền và nghĩa vụ của Công ty	6
Điều 10 Các quy định hạn chế	8
Điều 11 Các quy định về kiểm soát nội bộ.....	9
Điều 12 Các quy định về bảo mật thông tin.....	9
Điều 13 Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.....	10
CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	10
Điều 14 Vốn điều lệ.....	10
Điều 15 Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	10
Điều 16 Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác.....	11
Điều 17 Cổ đông của Công ty	12
Điều 18 Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.....	13
Điều 19 Sổ đăng ký cổ đông	13
Điều 20 Quyền của cổ đông.....	14
Điều 21 Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 22 Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty	16
Điều 23 Chào bán và chuyển nhượng, thu hồi cổ phần của Công ty.....	17

Điều 24	Mua lại cổ phần.....	18
Điều 25	Phát hành trái phiếu.....	19
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....		20
Điều 26	Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 27	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 28	Các đại diện được ủy quyền	22
Điều 29	Thay đổi các quyền	23
Điều 30	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 31	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 32	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 33	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 34	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 35	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 36	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	31
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		32
Điều 37	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 38	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 39	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	36
Điều 40	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....		42
Điều 41	Tổ chức bộ máy quản lý.....	42
Điều 42	Cán bộ quản lý.....	42
Điều 43	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	42
Điều 44	Thư ký Công ty	45
CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT		46
Điều 45	Thành viên Ban kiểm soát.....	46

Điều 46 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	47
CHƯƠNG VIII: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	49
Điều 47 Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và Ban kiểm soát	49
Điều 48 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	49
Điều 49 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
CHƯƠNG IX: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	52
Điều 50 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	52
CHƯƠNG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	52
Điều 51 Công nhân viên và Công Đoàn	52
CHƯƠNG XI: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	52
Điều 52 Cổ tức.....	52
Điều 53 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	53
CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	54
Điều 54 Tài khoản Ngân hàng.....	54
Điều 55 Trích lập các quỹ theo quy định	54
Điều 56 Năm tài chính.....	54
Điều 57 Hệ thống kế toán.....	54
CHƯƠNG XIII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	56
Điều 58 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	56
Điều 59 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	56
CHƯƠNG XIV: KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	57
Điều 60 Kiểm toán.....	57
CHƯƠNG XV: CON DẤU	57

Điều 61 Con dấu	57
CHƯƠNG XVI: GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	58
Điều 62 Chấm dứt hoạt động	58
Điều 63 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	58
Điều 64 Gia hạn hoạt động	58
Điều 65 Thanh lý	59
CHƯƠNG XVII: TRANH CHẤP, TỐ TỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	59
Điều 66 Tranh chấp, tố tụng	59
Điều 67 Giải quyết tranh chấp nội bộ	60
CHƯƠNG XVIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	60
Điều 68 Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	60
CHƯƠNG XIX: NGÀY HIỆU LỰC	61
Điều 69 Ngày hiệu lực.....	61



CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2010



CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 Định nghĩa

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- 1.1.1 "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- 1.1.2 "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- 1.1.3 "Vốn Điều lệ" có nghĩa là số vốn do cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Công ty;
- 1.1.4 "Điều khoản" có nghĩa là một điều khoản của Điều lệ này;
- 1.1.5 "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- 1.1.6 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- 1.1.7 "Pháp luật" là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996;
- 1.1.8 "Cổ đông" là tổ chức hoặc cá nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty;
- 1.1.9 "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ (05%) năm phần trăm trở lên số cổ phiếu
- 1.1.10 "Người mua cổ phần" là tổ chức hoặc cá nhân mua cổ phần của Công ty;
- 1.1.11 "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- 1.1.12 "Ngày thành lập" là ngày mà Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
- 1.1.13 "Người quản lý" là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.
- 1.1.14 "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này và thời được gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.

- 1.1.15 “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán và tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- 1.1.16 “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 1.1.17 “UBCKNN” được hiểu là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- 1.1.18 “SGDCK HCM” được hiểu là Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
- 1.1.19 “SGDCK HN” được hiểu là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- 1.1.20 “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của Công ty.
- 1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2 Hình thức, tên gọi, trụ sở và người đại diện theo pháp luật của Công ty

2.1 Hình thức của Công ty

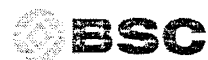
Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.2 Tên Công ty

- Tên giao dịch chính thức : Công ty cổ phần chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên giao dịch rút gọn : Công ty chứng khoán BIDV
- Tên giao dịch Tiếng Anh : BIDV Securities Joint Stock Company.
- Tên giao dịch rút gọn Tiếng Anh : BIDV Securities
- Tên giao dịch viết tắt : BSC

2.3 Biểu tượng của Công ty

Biểu tượng của Công ty được thể hiện như sau:



2.4 Trụ sở Công ty

2.4.1 Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Tầng 10, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại : (84-4) 22200668
- Fax : (84-4) 22200669
- Email : services@bsc.com.vn
- Website : www.bsc.com.vn

2.4.2 Việc thay đổi trụ sở chính do Hội đồng quản trị quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

2.5 Người đại diện theo pháp luật

2.5.1 Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2.5.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên (30) ba mươi ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.6 Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, tại địa bàn hoạt động hoặc kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3 Thời hạn hoạt động của Công ty

3.1 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 62 Điều lệ này hoặc theo quy định của pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn và bắt đầu từ Ngày thành lập.

3.2 Mọi thay đổi về thời hạn hoạt động của Công ty đều phải được phép của UBCKNN và thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4 Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

4.1 Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó. Công ty tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

4.2 Công ty tôn trọng quyền được tham gia các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của người lao động và tạo điều kiện để người lao động thành lập, tham gia các tổ chức đó.

CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

- Điều 5** Các lĩnh vực kinh doanh
- 5.1** Lĩnh vực kinh doanh của Công ty
- 5.1.1 Môi giới chứng khoán;
- 5.1.2 Tự doanh chứng khoán;
- 5.1.3 Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- 5.1.4 Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- 5.1.5 Lưu ký chứng khoán.
- 5.2** Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một hoặc một số những loại hình kinh doanh quy định tại Khoản 5.1 Điều lệ này theo quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.
- Điều 6** Mục tiêu hoạt động
- 6.1** Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, ổn định, bền vững và an toàn.
- 6.2** Nếu bất kỳ những mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 6.1 Điều lệ này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Điều 7** Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán
- 7.1** Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành Công ty
- 7.1.1 Quản lý và phân chia quyền lợi, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- 7.1.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 7.1.3 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội cổ đông.
- 7.1.4 Điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 7.2** Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán
- 7.2.1 Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;

- 7.2.2 Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
- 7.2.3 Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
- 7.2.4 Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- 7.2.5 Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- 7.2.6 Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
- 7.2.7 Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
- 7.2.8 Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- 7.2.9 Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 8 Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán và được Luật chứng khoán cho phép.

Điều 9 Quyền và nghĩa vụ của Công ty

9.1 Quyền của Công ty

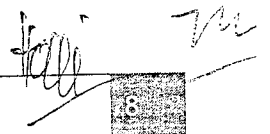
9.1.1 Quyền tự chủ kinh doanh của Công ty

- a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tư vấn khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ tài chính quy định;
- c. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
- d. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích, nội dung hoạt động của Công ty theo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ động mọi hoạt động kinh doanh đã đăng ký;

- f. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
 - g. Quyết định mở, sáp nhập hoặc đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty theo các quy định hiện hành.
- 9.1.2 Quyền quản lý tài chính Công ty
- a. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
 - b. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;
 - c. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;
 - d. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước, theo quy định tại Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 9.1.3 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
- 9.2 Nghĩa vụ của Công ty**
- 9.2.1 Nghĩa vụ trong quản lý kinh doanh của Công ty
- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;
 - c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
 - d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty.
 - e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.
 - f. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong công ty.
 - g. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của công ty.



- h. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.
 - i. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
 - j. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - k. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 101 (trường hợp công ty đại chúng) và Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.
 - l. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo Điều 28 Luật Chứng khoán;
 - m. Kinh doanh theo ngành nghề và các loại hình kinh doanh ghi trong giấy phép;
 - n. Chăm lo phát triển nguồn lực để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty; chăm lo điều kiện làm việc, cải thiện và nâng cao điều kiện sống của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động và Công đoàn.
- 9.2.2 Nghĩa vụ trong quản lý tài chính của Công ty
- a. Tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;
 - b. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - c. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
 - d. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - e. Tuân thủ các quy định đảm bảo vốn khả dụng theo quy định của Bộ tài chính.
- Điều 10 Các quy định hạn chế
- 10.1 Quy định hạn chế đối với công ty
- 10.1.1 Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - 10.1.2 Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- 10.1.3 Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- 10.1.4 Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.
- 10.2** Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc công ty và người hành nghề chứng khoán của công ty
- 10.2.1 Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
- 10.2.2 Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
- 10.2.3 Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
- 10.2.4 Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính công ty;
- 10.2.5 Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác.
- Điều 11** Các quy định về kiểm soát nội bộ
- 11.1** Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ công ty.
- 11.2 Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 11.3 Định kỳ công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 11.4 Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- Điều 12** Các quy định về bảo mật thông tin
- 12.1** Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 12.2** Quy định tại Khoản 12.1 Điều lệ này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
- 12.2.1 Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;
- 12.2.2 Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
- 12.2.3 Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Điều 13 Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

- 13.1** Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
- 13.2** Mọi nhân viên của công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
- 13.3** Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên công ty.

CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 14 Vốn điều lệ

- 14.1** Vốn điều lệ của Công ty là 865.000.000.000 VND (Tám trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).
- 14.2** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 86.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000VND/cổ phần.
- 14.3** Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- 14.4** Khoản 14.1 và Khoản 14.1 Điều lệ này sẽ tự động cập nhật khi Công ty hoàn thành việc thay đổi Vốn Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.

Điều 15 Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

- 15.1** Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
- 15.2** Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
- 15.2.1** Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
- 15.2.2** Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
- 15.3** Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
- 15.3.1** Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
- 15.3.2** Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
- 15.3.3** Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;

- 15.3.4 Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.
- 15.4 Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
- 15.5 Sau khi tăng, giảm vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 15.6 Công ty không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.
- 15.7 Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển kinh doanh. Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng cổ đông tại thời điểm phát hành. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. Hội đồng quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền, mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua SGDCK HN /SGDCK HCM.

Điều 16 Chứng chỉ cổ phiếu và các chứng khoán khác

16.1 Chứng chỉ cổ phiếu

- 16.1.1 Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu (gọi là cổ phiếu ghi danh). Cổ phiếu do Công ty phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
- 16.1.2 Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
- 16.1.3 Trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể



- từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 16.1.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 16.1.5 Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- 16.2 Chứng chỉ chứng khoán khác: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
- Điều 17 **Cổ đông của Công ty**
- 17.1 Quyền sở hữu cổ phần và mọi quyền lợi hợp pháp của các cổ đông được pháp luật bảo vệ.
- 17.2 Cổ đông sáng lập của Công ty là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 Trụ sở chính: Tháp BIDV, 35 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
 Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua Điều lệ này, số cổ phần của Công ty mà Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nắm giữ 76.225.330 cổ phần, tương ứng với 88,12% vốn điều lệ của Công ty.
 Người đại diện cổ đông và người được cử làm đại diện:
- 17.2.1 Người đại diện cho cổ đông cá nhân là chính cổ đông đó, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông đó;
- 17.2.2 Người đại diện cho nhóm cổ đông là người được nhóm cổ đông đó ủy quyền bằng văn bản;
- 17.2.3 Người đại diện cho cổ đông tổ chức là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ủy quyền;
- 17.2.4 Cổ đông muốn thay đổi người đại diện, phải có thông báo bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty kèm theo giấy ủy quyền mới trong trường hợp ủy quyền.

- 17.3** Sau khi được chuyển quyền sở hữu hoặc thừa kế cổ phần hợp pháp và hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phần với Công ty thì người nắm giữ cổ phần được chuyển nhượng đó mới được công nhận là cổ đông chính thức của Công ty.
- 17.4** Việc không thanh toán được các khoản nợ, phạm tội hay chết, chấm dứt hoạt động của các cổ đông không ảnh hưởng đến các hoạt động của Công ty.
- 17.5** Tổng số cổ phần nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty không vượt quá tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Điều 18 Hạn chế đối với quyền của cổ đông sáng lập của Công ty**
- 18.1** Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn (03) năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Các cổ đông khác là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.
- 18.2** Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Điều 19 Sổ đăng ký cổ đông**
- 19.1** Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 19.2** Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
- 19.2.1** Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- 19.2.2** Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;
- 19.2.3** Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
- 19.2.4** Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 19.2.5** Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- 19.3** Hình thức sổ đăng ký cổ đông của Công ty là văn bản và tập dữ liệu điện tử.
- 19.4** Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và Trụ sở chính.

Điều 20 Quyền của cổ đông

- 20.1** Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 20.2** Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- 20.2.1 Tham dự Đại hội cổ đông để thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Ứng cử, đề cử và bỏ phiếu bầu, miễn nhiệm các chức danh: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật, số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện;
- 20.2.2 Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật;
- 20.2.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty hoặc khi có sự chuyển nhượng mua bán cổ phần giữa các cổ đông;
- 20.2.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông trừ trường hợp quy định tại Khoản 18.1 Điều lệ này;
- 20.2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 20.2.6 Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 20.2.7 Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này;
- 20.2.8 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất
- 20.2.9 Được cử người đại diện hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội cổ đông;
- 20.2.10 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 90 Luật Doanh nghiệp;
- 20.2.11 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- 20.3** Ngoài các quyền quy định tại Khoản 20.2 Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có các quyền sau:
- 20.3.1 Để cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- 20.3.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- 20.3.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- 20.3.4 Kiến nghị bằng văn bản về các hoạt động quản trị và/hoặc điều hành của Công ty;
- 20.3.5 Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; Phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp việc kiểm tra không phát hiện được vi phạm, chi phí kiểm tra do cổ đông tự trang trải.
- Điều 21 Nghĩa vụ của cổ đông**
- 21.1** Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông
- 21.1.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 21.1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 21.1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 21.1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 21.1.5 Bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ của Công ty;
- 21.1.6 Chịu rủi ro về thua lỗ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty (nếu có) tương ứng với phần vốn góp vào Công ty;
- 21.1.7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
- 21.2** Ngoài các nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Khoản 21.1 Điều lệ này, cổ đông sở hữu từ (05%) năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty được gọi là cổ đông lớn và trong thời hạn (07) bảy ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK HN/SGDCK HCM nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

Điều 22 Cổ phần, cổ phiếu, phát hành cổ phiếu của Công ty

22.1 Hình thức cổ phiếu

Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi.

22.2 Phát hành cổ phiếu

Công ty được phát hành cổ phiếu và việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật chứng khoán.

22.3 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu (20) hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua SGDCK HN/SGDCK HCM.

22.4 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

22.5 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 23 Chào bán và chuyển nhượng, thu hồi cổ phần của Công ty

23.1 Chào bán cổ phần

23.1.1 Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;

23.1.2 Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;

23.1.3 Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

23.2 Chuyển nhượng cổ phần

Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp sau:

23.2.1 Cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có);

23.2.2 Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty quy định tại Khoản 18.1 Điều lệ này;

23.2.3 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.

Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo các thông thường, hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

Cổ phiếu niêm yết trên SGDCK HN/SGDCK HCM sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của SGDCK HN/SGDCK HCM.

23.3 Thu hồi cổ phần

23.3.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

23.3.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ: Thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.



- 23.3.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện: Không thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan theo thời hạn quy định, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Điểm 23.3.4, 23.3.5 và 23.3.6 Điều lệ này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 23.3.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 23.3.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ bằng lãi suất vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 23.3.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 24 Mua lại cổ phần

24.1 Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định về việc tổ chức lại Công ty của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được iập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

24.2 Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền chào mua lại cổ phần do mình phát hành. Khi mua lại cổ phiếu của chính mình, Công ty phải công khai thông tin về việc mua lại (07) bảy ngày trước khi thực hiện mua lại.

24.3 Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 24.1 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được

mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 25 **Phát hành trái phiếu**

25.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

25.2 Trường hợp không được quyền phát hành trái phiếu

25.2.1 Công ty không thanh toán đủ các khoản gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

25.2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của Công ty trong ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

25.3 Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng và thừa kế của các chủ nợ đối với trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, thừa kế tuân theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Điều 26 Đại hội đồng cổ đông**

- 26.1** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 26.2** Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- 26.3** Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- 26.3.1** Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 26.3.2** Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - 26.3.3** Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - 26.3.4** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 20.3 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - 26.3.5** Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - 26.3.6** Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 26.4** Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- 26.4.1** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ba mươi ngày kể từ ngày phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 26.3 Điều lệ này.
 - 26.4.2** Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 26.4.1 Điều lệ này thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban

kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

- 26.4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 26.4.2 Điều lệ này thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 26.3.4 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- 26.4.4 Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 26.4.5 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 27 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

27.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- 27.1.1 Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- 27.1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;
- 27.1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- 27.1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

27.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- 27.2.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- 27.2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- 27.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- 27.2.4 Lựa chọn công ty kiểm toán;
- 27.2.5 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 27.2.6 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- 27.2.7 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- 27.2.8 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng (03) ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- 27.2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- 27.2.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 27.2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- 27.2.12 Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ (50%) năm mươi phần trăm trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 27.2.13 Công ty mua lại trên (10%) mười phần trăm một loại cổ phần phát hành;
- 27.2.14 Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 27.2.15 Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn (20%) hai mươi phần trăm tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- 27.2.16 Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
- 27.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 27.3.1 Các hợp đồng quy định tại Điểm 27.2.15 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- 27.3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
- 27.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 28 Các đại diện được ủy quyền
- 28.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Đối với cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% cổ phần phổ thông của Công ty được uỷ quyền cho hơn 03 người tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông
- 28.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- 28.2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
- 28.2.2 Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
- 28.2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- 28.2.4 Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- 28.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 28.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 28.3 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 28.4.1 Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 28.4.2 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- 28.4.3 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên (48) bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 29 Thay đổi các quyền

- 29.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điểm 27.2 Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất (75%) bảy mươi lăm phần trăm quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 29.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu (02) hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu (1/3) một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng (30) ba mươi ngày sau đó và

những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua những người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

29.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30 và Điều 32 Điều lệ này.

29.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 30 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

30.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm 26.4.2 hoặc Điểm 26.4.3 Điều lệ này.

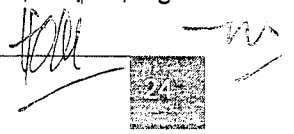
30.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

30.2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng (30) ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

30.2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

30.2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

30.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của SGDCK HN/SGDCK HCM (sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết), trên website của công ty, (01) một tờ báo trung ương hoặc (01) một tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi

thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất (15) mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

30.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 20.3 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

30.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 30.4 Điều lệ này trong các trường hợp sau:

30.5.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

30.5.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên (05%) năm phần trăm cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

30.5.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

30.6 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

30.7 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 31 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

31.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất (65%) sáu mươi lăm phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết.

31.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng (30) ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất (51%) năm mươi một phần trăm cổ phần có quyền biểu quyết.

31.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng (30) ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng (20) hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

31.4 Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 30.3 Điều lệ này.

Điều 32 Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

32.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

32.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá (03) ba người.

32.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

32.4 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ

- đồng bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 32.5** Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 32.6** Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 32.7** Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 32.6 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 32.8** Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 32.9** Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- 32.10** Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- 32.10.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- 32.10.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- 32.10.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

32.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

32.11.1 Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

32.11.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

32.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất (01) một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 33 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

33.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

33.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

33.2.1 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm

33.2.2 Thông qua định hướng phát triển công ty;

33.2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

33.2.4 Tổ chức lại, giải thể công ty.

33.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

33.3.1 Có ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

- 33.3.2 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải có ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
- 33.3.3 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- 33.3.4 Thông qua loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- 33.3.5 Tổ chức lại, sáp nhập và giải thể Công ty;
- 33.3.6 Thông qua các giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ (50%) năm mươi phần trăm trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 33.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền biểu quyết dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 33.5 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 33.6 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 34 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 34.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 34.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
- 34.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:



- 34.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- 34.3.2 Mục đích lấy ý kiến;
- 34.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 34.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 34.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 34.3.6 Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- 34.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 34.4** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- 34.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 34.5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- 34.5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 34.5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 34.5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 34.5.5 Các quyết định đã được thông qua;
- 34.5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

34.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

34.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

34.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng (15) mười lăm ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng (10) mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 36 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn (90) chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

36.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

36.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.



CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 37 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
- 37.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là (05) năm người và nhiều nhất là (11) mười một người bao gồm: (01) một Chủ tịch Hội đồng quản trị, (01) một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các ủy viên, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là (05) năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trong đó ít nhất (1/3) một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị được bầu bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 37.3 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn sau đây:
- 37.3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 37.3.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất (5%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông; hoặc người khác không phải là cổ đông của công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, hoặc chứng khoán;
- 37.3.3 Thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 37.3.4 Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
- 37.3.5 Có kinh nghiệm, năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty;
- 37.3.6 Hiểu biết về pháp luật, các văn bản hiện hành về quản lý kinh doanh và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp;
- 37.3.7 Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức, tốt, trung thực và liêm khiết;
- 37.3.8 Là cổ đông, hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông tổ chức của Công ty.
- 37.3.9 Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý điều hành và là thành viên Hội đồng quản trị của các doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh giống như của Công ty.

- 37.4** Các cổ đông nắm giữ từ (05%) năm phần trăm trở xuống số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có quyền tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đạt tỷ lệ trên (5%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng cử viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- 37.5** Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 37.6** Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- 37.6.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- 37.6.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- 37.6.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- 37.6.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng (06) sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 37.6.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.7** Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 37.8** Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



- 37.9** Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
- Điều 38** Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
- 38.1** Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 38.2** Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 38.3** Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- 38.3.1** Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- 38.3.2** Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 38.3.3** Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- 38.3.4** Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- 38.3.5** Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- 38.3.6** Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 38.3.7** Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 38.3.8** Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 38.3.9** Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- 38.3.10** Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 38.3.11** Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

- 38.3.12 Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
- 38.4** Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 38.4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 38.4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;
- 38.4.3 Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
- 38.4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- 38.4.5 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 38.4.6 Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- 38.4.7 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 38.4.8 Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá (10%) mười phần trăm mỗi loại cổ phần;
- 38.4.9 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 38.4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- 38.5** Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là: Việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- 38.6** Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty phù hợp với cơ chế phân cấp, uỷ quyền của Công ty.
- 38.7** Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành

viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

38.8 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

38.9 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

38.10 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

39.1 Chủ tịch và Phó Chủ tịch sẽ do Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

39.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

39.2.1 Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị;

39.2.2 Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông do Trưởng Ban Kiểm soát và Đại hội cổ đông thành lập triệu tập;

39.2.3 Ban hành và giám sát việc thực hiện các quy chế tổ chức, hoạt động và chế độ làm việc của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;

- 39.2.4 Chuẩn bị nội dung, chương trình các phiên họp Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông;
- 39.2.5 Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
- 39.2.6 Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc hủy bỏ mọi quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc trái Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- 39.2.7 Chỉ đạo Tổng Giám đốc chuẩn bị các báo cáo, phối hợp với các thành viên Ban Kiểm soát chuẩn bị những nội dung kiểm tra hoạt động của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;
- 39.2.8 Phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 38.4 Điều lệ này.
- 39.3** Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 39.4** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- 39.5** Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.
- Điều 40 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**
- 40.1** Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 40.2 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất (07) bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp (01) một lần.
- 40.3 Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- 40.3.1 Tổng Giám đốc hoặc ít nhất (05) năm cán bộ quản lý;
 - 40.3.2 Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - 40.3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 40.3.4 Đa số thành viên Ban kiểm soát.
- 40.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 40.3 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn (15) mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 40.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 40.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 40.6 Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 40.7 Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất (05) năm ngày trước khi tổ chức họp. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

- 40.8** Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 40.9** Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất (3/4) ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
- 40.10** Biểu quyết.
- 40.10.1 Trừ quy định tại Điểm 40.10.2 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- 40.10.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- 40.10.3 Theo quy định tại Điểm 40.3.4 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- 40.10.4 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 48.5.1 và Điểm 48.5.2 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 40.11** Công khai lợi ích:
- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

40.12 Biểu quyết đa số:

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

40.13 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

40.13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

40.13.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

40.14 Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

40.14.1 Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

40.14.2 Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

- 40.15** Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn (10) mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
- 40.16** Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
- 40.17** Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.
- 40.18** Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY**Điều 41 Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 42 Cán bộ quản lý

42.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

42.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng đối với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 43 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**43.1 Bổ nhiệm:**

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

43.2 Nhiệm kỳ:

Theo Điểm 39.1 Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc tối đa là (05) năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ và các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các

cán bộ công chức Nhà nước và những người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

43.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:

- 43.3.1 Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 43.3.2 Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;
- 43.3.3 Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;
- 43.3.4 Có thâm niên công tác ít nhất là (03) ba năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- 43.3.5 Không phải là người hành nghề đã bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán;
- 43.3.6 Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tại một doanh nghiệp khác;
- 43.3.7 Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn (03) ba năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;
- 43.3.8 Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

43.4 Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- 43.4.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 43.4.2 Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 43.4.3 Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản

- trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- 43.4.4 Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- 43.4.5 Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính (05) năm năm.
- 43.4.6 Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 43.4.7 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 43.4.8 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- 43.4.9 Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
- 43.4.10 Đại diện cho Công ty trong quan hệ quốc tế, tổ tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.
- 43.5 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 43.6 Từ nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách:
- 43.6.1 Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị để xem xét quyết định; Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi đến Văn phòng Hội đồng quản trị trước thời điểm chính thức nghỉ việc ít nhất (45) bốn mươi nhăm ngày;
- 43.6.2 Tổng Giám đốc có thể bị đương nhiên mất tư cách theo các quy định hiện hành của UBCKNN. Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện quy định tại Khoản 43.4 Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc.
- 43.6.3 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ (2/3) hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế, Tổng



Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Khi tạm đình chỉ, miễn nhiệm hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo gửi UBCKNN.

Điều 44 **Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 44.1 Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 44.2 Làm biên bản các cuộc họp;
- 44.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 44.4 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT

Điều 45 Thành viên Ban kiểm soát

45.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đa số thông thường. Các thành viên của Ban Kiểm soát được bầu bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu.

45.2 Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát:

45.2.1 Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

45.2.2 Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

45.2.3 Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

45.2.4 Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;

45.2.5 Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên; Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

45.2.6 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

45.3 Quyền đề cử thành viên Ban Kiểm soát:

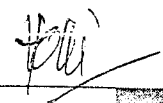
Các cổ đông nắm giữ từ (05%) năm phần trăm trở xuống số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có quyền tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đạt tỷ lệ trên (05%) năm phần trăm tổng số cổ phần phổ thông để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng cử viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

45.4 Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát:

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông của Công ty làm Trưởng Ban. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- 45.4.1 Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- 45.4.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- 45.4.3 Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 45.5** Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- 45.5.1 Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
- 45.5.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến Trụ sở chính cho Công ty;
- 45.5.3 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- 45.5.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng (06) sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 45.5.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 46 Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**
- 46.1** Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi hoạt động và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát phải hành động một cách độc lập với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc và phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.
- 46.2** Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 46.2.1 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- 46.2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- 46.2.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- 46.2.4 Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- 46.2.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 46.2.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- 46.2.7 Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- 46.2.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- 46.3** Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 46.4 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu (02) hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là (2/3) hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát.
- 46.5 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá mức tối đa do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được miễn trừ các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



CHƯƠNG VIII: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 47 Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và Ban Kiểm soát được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 48 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

48.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và Ban Kiểm soát không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

48.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

48.3 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty.

48.4 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

48.5 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định của Công ty:

48.5.1 Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

48.5.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

- 48.5.3 Người có liên quan của thành viên Hội đồng Hội quản trị, Tổng Giám đốc.
- 48.6 Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Khoản 48.5 Điều lệ này và các quy định pháp luật khác
- 48.7 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
- 48.7.1 Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- 48.7.2 Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- 48.7.3 Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 49 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

49.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

49.2 Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đó đã hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc đại diện theo ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận này rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 50.1** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 20.2 và 20.3 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông kèm theo giấy ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 50.2** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông

CHƯƠNG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51 Công nhân viên và Công Đoàn

Tổng Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 52 Cổ tức

- 52.1** Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

- 52.2 Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 52.3 Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 52.4 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 52.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại SGDCK HN/SGDCK HCM (sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết) có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
- 52.6 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- Điều 53 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54 Tài khoản Ngân hàng

- 54.1** Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 54.2** Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 54.3** Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55 Trích lập các quỹ theo quy định

- 55.1** Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
- 55.1.1 Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% mức Vốn điều lệ;
- 55.1.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- 55.1.3 Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 5% lợi nhuận ròng;
- 55.1.4 Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
- 55.2** Việc quản lý và sử dụng các quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 56 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với ngày những ngành nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 57 Hệ thống kế toán

- 57.1** Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận, tuân thủ chế độ kế toán dành cho Công ty chứng khoán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.



- 57.2** Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 57.3** Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58 Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

58.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, và trong thời hạn (90) chín mươi ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, SGĐCK HN/SGĐCK HCM (sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

58.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

58.3 Công ty phải lập các báo cáo (06) sáu tháng và hàng quý theo các quy định của UBCKNN và nộp cho UBCKNN và SGĐCK HN/SGĐCK HCM (sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết).

58.4 Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng (03) ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

58.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo (06) sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 59 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của UBCKNN và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIV: KIỂM TOÁN CÔNG TY**Điều 60 Kiểm toán**

- 60.1** Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 60.2** Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 60.3** Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (02) hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCKNN chấp thuận.
- 60.4** Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 60.5** Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV: CON DẤU**Điều 61 Con dấu**

- 61.1** Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 61.2** Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI: GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**Điều 62 Chấm dứt hoạt động**

62.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 62.1.1 Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả thời hạn đã gia hạn;
- 62.1.2 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 62.1.3 Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau:
- Mục tiêu của Công ty không thực hiện được;
 - Công ty bị thua lỗ tới 3/4 Vốn điều lệ;
 - Có yêu cầu chính đáng của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 2/3 số Vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp này phải được sự đồng ý của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 số Vốn điều lệ của Công ty.
- 62.1.4 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

62.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 63.1** Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 63.2** Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 63.3** Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 64 Gia hạn hoạt động

64.1 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

- 64.2** Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Điều 65 Thanh lý
- 65.1** Tối thiểu (06) sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 65.2** Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 65.3** Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 65.3.1 Các chi phí thanh lý;
- 65.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- 65.3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- 65.3.4 Các khoản vay (nếu có);
- 65.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;
- 65.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Khoản 65.3.1 đến 65.3.5. Điều lệ này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lai sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII: TRANH CHẤP, TỔ TỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

- Điều 66 Tranh chấp, tố tụng
- 66.1** Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật trong các vụ tranh chấp, tố tụng;
- 66.2** Tổng Giám đốc thay mặt Công ty tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty.

Điều 67 Giải quyết tranh chấp nội bộ

67.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

67.1.1 Cổ đông với Công ty; hoặc

67.1.2 Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng (15) mười lăm ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

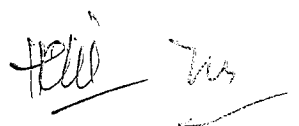
67.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng (06) sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

67.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XVIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**Điều 68 Bổ sung và sửa đổi điều lệ**

68.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định, trừ Khoản 14.4 Điều lệ này.

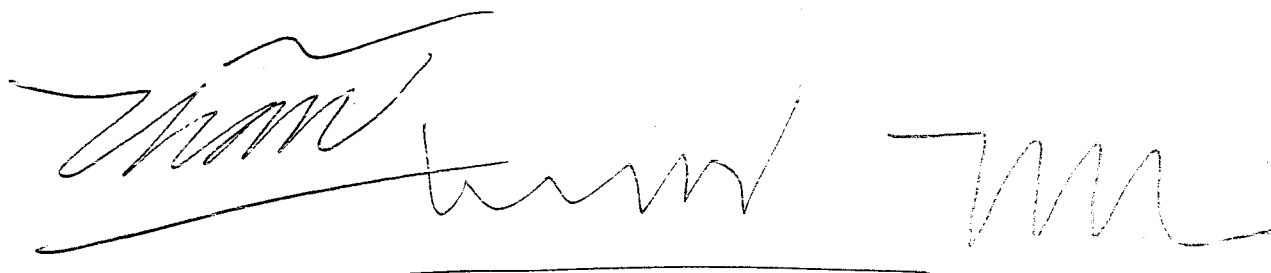
68.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



CHƯƠNG XIX: NGÀY HIỆU LỰC

- Điều 69 Ngày hiệu lực
- 69.1 Bản điều lệ này gồm XIX Chương 69 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nhất trí thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2010 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .
- 69.2 Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 69.2.1 Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - 69.2.2 Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - 69.2.3 Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty
- 69.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 69.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu (1/2) một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- 69.5 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Đại diện cổ đông sáng lập

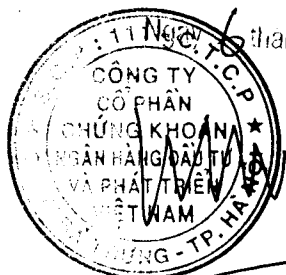


Nguyễn Khắc Thân

Đỗ Huy Hoài

Trần Phương

SAO Y BẢN CHÍNH



Phó chủ tịch HĐQT
Đỗ Huy Hoài

Ủy viên HĐQT
Nguyễn Quốc Hưng

Ủy viên HĐQT
Nguyễn Văn Thắng

